

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 04/2025/KDTM-PT

Ngày 28 - 5 - 2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Kim Khánh

2. Bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa : Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2025/TLPT-KDTM ngày 27/02/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2025/KDTM-ST ngày 21/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền khởi kiện: Ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm T1 và xử lý nợ pháp lý (theo Văn bản uỷ quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01-6-2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V). Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, phường D, Quận C, Tp ..

Người được uỷ quyền lại tham gia tố tụng tại Tòa án:

- Ông Phạm Hải M, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (*Có mặt*)

- Ông Vy Việt H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ tại: Tầng A, số I C, phường D, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số 12167/2024/UQN-PGD ngày 14-10-2024 của Ngân hàng TMCP V).

2. Bị đơn: Công ty TNHH T2. Địa chỉ tại: Thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng P, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ tại: Thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng P (ông Nguyễn Trọng P là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2): Ông Võ Hữu D1, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, Khu nhà ở xã hội, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt).*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trọng P, sinh năm 1961. Địa chỉ tại: Thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt).*

- *Người có kháng cáo:* Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH T2 ông Nguyễn Trọng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, do ông Phạm Hải M là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 02/01/2024, Công ty TNHH T2 đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 6000952708-78, hạn mức cho vay tối đa: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng), thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán các chi phí hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật; Vay vốn phục vụ hoạt động vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) của Công ty.

Ngày 04/01/2024, Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho Công ty TNHH T2 vay với số tiền vay tại Hợp đồng cho vay hạn mức số: 6000952708-78 ngày 02/01/2024 theo Khế ước nhận nợ số: 040124-14124743-ONL-4 ngày 04/01/2024, với số tiền nhận nợ là 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng); Thời hạn nhận nợ theo khế ước là: 6 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15.10%/năm; lãi suất cho vay trong hạn cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần. Ngày quá hạn: 02/07/2024.

Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tất cả tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Trọng P qua hợp đồng bảo lãnh với nội dung ông Nguyễn Trọng P đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không

hủy ngang cho Công ty TNHH T2 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng và Công ty TNHH T2 theo Hợp đồng bảo lãnh số: 2812/HĐBL/VPBANK-CN Đắc Lắc ngày 28/12/2023.

Quá trình sử dụng vốn vay, Công ty đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà mới chỉ trả được 6 đồng nợ gốc, trả tiền lãi trong hạn là 30.226.065 đồng và trả lãi quá hạn là 1.028.445 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty TNHH T2, bên bảo lãnh ông Nguyễn Trọng P để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH T2, ông Nguyễn Trọng P cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP V đã khởi kiện đối với Công ty TNHH T2 đến Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyện vọng của Ngân hàng TMCP V là đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc Công ty TNHH T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 499.999.994 đồng và tiền lãi tính đến ngày 21/01/2025 là 66.328.661 đồng (gồm: nợ lãi trong hạn 5.434.209 đồng, lãi quá hạn 60.590.732 đồng, lãi chậm trả 303.720 đồng). Tổng cộng là 566.328.655 đồng. Đồng thời Công ty TNHH T2 phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký được tính từ ngày 22/01/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V. Trường hợp Công ty TNHH T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Trọng P (là bên bảo lãnh) phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số 2812/HĐBL/VPBANK CN Đắc Lắc ngày 28/12/2023. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì thêm.

** Ông Võ Hữu D1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng P là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH T2 trình bày:*

Vào ngày 02/01/2024, Công ty TNHH T2 (do ông Nguyễn Trọng P là người đại diện theo pháp luật của Công ty) có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V. Việc vay tiền tại Ngân hàng được thể hiện theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 6000952708-78 ngày 02/01/2024, hạn mức cho vay tối đa: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng), thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán các chi phí hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật; Vay vốn phục vụ hoạt động vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) của Công ty.

Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH T2 vay với số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 6000952708-78 ngày 02/01/2024 và được thể hiện tại Khế ước nhận nợ số: 040124-14124743-ONL-4 ngày 04/01/2024 với số tiền nhận nợ là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Thời hạn nhận nợ theo khế ước: 6 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15.10%/năm; lãi suất cho vay trong hạn cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần. Ngày quá hạn: 02/07/2024.

Và cũng theo hợp đồng thì toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tất cả tài sản thuộc quyền sở hữu cá nhân của ông

Nguyễn Trọng P, được thể hiện tại mục 4 điều 3 của hợp đồng bảo lãnh với nội dung ông Nguyễn Trọng P đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho Công ty TNHH T2 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH T2 theo Hợp đồng bảo lãnh số: 2812/HĐBL/VPBANK CN Đắc Lắc ngày 28/12/2023.

Quá trình sử dụng vốn vay, do Công ty làm ăn gặp khó khăn nên đến hạn trả nợ Công ty chưa có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng theo đúng cam kết tại khế ước nhận nợ số 040124-14124743-ONL-4 ngày 04/01/2024. Công ty mới chỉ trả được cho ngân hàng tiền gốc là 6 đồng, tiền lãi trong hạn là 30.226.065 đồng và lãi quá hạn là 1.028.445 đồng. Nợ gốc còn lại là 499.999.994 đồng thì vẫn chưa trả cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty do ông Nguyễn Trọng P là người đại diện theo pháp luật đồng thời ông Nguyễn Trọng P cũng là bên bảo lãnh để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng do việc làm ăn gặp khó khăn nên Công ty chưa có điều kiện thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện Công ty TNHH T2 đến Tòa án thì Công ty TNHH T2 do ông Nguyễn Trọng P là người đại diện theo pháp luật đồng ý trả số tiền nợ gốc còn lại là 499.999.994 đồng và tiền lãi tính đến ngày 21/01/2025 là 66.328.661 đồng (gồm: lãi trong hạn 5.434.209 đồng, lãi quá hạn 60.590.732 đồng, lãi chậm trả 303.720 đồng) cho Ngân hàng. Tổng cộng số tiền phải trả là 566.328.655 đồng. Tuy nhiên hiện nay do Công ty làm ăn gặp khó khăn nên Công ty mong Ngân hàng tạo điều kiện giảm lãi suất cho Công ty và Công ty xin gia hạn thời hạn trả tiền cho Ngân hàng là 08 tháng. Trường hợp Ngân hàng không tạo điều kiện thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

** Quá trình làm việc tại Tòa án, ông Nguyễn Trọng P cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai:*

Vào ngày 02/01/2024, Công ty TNHH T2 (do tôi Nguyễn Trọng P là người đại diện theo pháp luật của Công ty) có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V. Việc vay tiền tại Ngân hàng được thể hiện theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 6000952708-78 ngày 02/01/2024, hạn mức cho vay tối đa: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng), thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán các chi phí hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật; Vay vốn phục vụ hoạt động vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) của Công ty.

Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH T2 vay với số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 6000952708-78 ngày 02/01/2024 và được thể hiện tại Khế ước nhận nợ số: 040124-14124743-ONL-4 ngày 04/01/2024 với số tiền nhận nợ là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Thời hạn nhận nợ theo khế ước: 6 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15.10%/năm; lãi suất cho vay trong hạn

cổ định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần. Ngày quá hạn: 02/07/2024.

Và cũng theo hợp đồng thì toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tất cả tài sản thuộc quyền sở hữu cá nhân của tôi (ông Nguyễn Trọng P), được thể hiện tại mục 4 điều 3 của hợp đồng bảo lãnh với nội dung ông Nguyễn Trọng P đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho Công ty TNHH T2 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH T2 theo Hợp đồng bảo lãnh số: 2812/HĐBL/VPBANK CN Đắc Lắc ngày 28/12/2023.

Quá trình sử dụng vốn vay, do Công ty làm ăn gặp khó khăn nên đến hạn trả nợ Công ty chưa có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng theo đúng cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty do và với tôi là bên bảo lãnh để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng do việc làm ăn gặp khó khăn nên chưa có điều kiện thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện Công ty TNHH T2 đến Tòa án thì tôi với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý trả số tiền nợ gốc còn lại là 499.999.994 đồng và nợ lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên hiện nay do Công ty L gặp khó khăn nên mong Ngân hàng tạo điều kiện xin trả dần. Trường hợp Ngân hàng không tạo điều kiện thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án số: 01/2025/KDTM-ST ngày 21/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 292; Điều 335; Điều 336; Điều 342; Điều 463; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 92 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

Buộc Công ty TNHH T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 499.999.994 đồng, nợ lãi là 66.328.661 đồng tính đến ngày 21/01/2025 (gồm: nợ lãi trong hạn 5.434.209 đồng, lãi quá hạn 60.590.732 đồng, lãi chậm trả 303.720 đồng) cho Ngân hàng. Tổng cộng số tiền phải trả là 566.328.655 đồng. Đồng thời Công ty TNHH T2 phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 22/01/2025 đối với số

tiền nợ gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp Công ty TNHH T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Trọng P (là bên bảo lãnh) phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số 2812/HĐBL/VPBANK CN Đắc Lắc ngày 28/12/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải chịu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/02/2025, Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH T2 là ông Nguyễn Trọng P có đơn kháng cáo xin được giảm tiền lãi và xem xét xin gia hạn trả tiền dần cho ngân hàng trong thời hạn là 08 tháng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH T2 là ông Nguyễn Trọng P - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 21/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắc Lắc.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH T2 là ông Nguyễn Trọng P làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH T2 là ông Nguyễn Trọng P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều xác định: Ngày 02/01/2024, giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH T2 có ký Hợp đồng cho vay hạn mức số: 6000952708-78; Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật; Vay vốn phục vụ hoạt động vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) của Công ty; Thời hạn vay: 12 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 26/01/2012; Lãi suất: 19%/năm. Sau khi hai bên ký hợp đồng, ngày 04/01/2024 Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay với số tiền vay được thể hiện tại Khế ước nhận nợ số: 040124-14124743-ONL-4 ngày 04/01/2024 với số tiền nhận nợ là 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng); Thời hạn nhận nợ theo khế ước là: 6 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15.10%/năm; lãi suất cho vay trong hạn cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần. Ngày quá hạn: 02/07/2024.

Và cũng theo hợp đồng thì toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tất cả tài sản thuộc quyền sở hữu cá nhân của ông Nguyễn Trọng P, được thể hiện tại mục 4 Điều 3 của hợp đồng bảo lãnh với nội dung ông Nguyễn Trọng P đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho Công ty TNHH T2 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH T2 theo Hợp đồng bảo lãnh số: 2812/HĐBL/VPBANK CN Đắc Lắc ngày 28/12/2023.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và tại khế ước nhận nợ thể hiện thời hạn trả nợ 06 tháng kể từ ngày nhận nợ (ngày 04/01/2024). Tuy nhiên đến hạn trả nợ thì Công ty không trả theo như hợp đồng đã ký mà mới chỉ trả được 6 đồng nợ gốc, trả tiền lãi trong hạn là 30.226.065 đồng và trả lãi quá hạn là 1.028.445 đồng. Từ ngày 02/7/2024 đến nay thì Công ty chưa trả số tiền nợ gốc còn lại 499.999.994 đồng và tiền lãi cho Ngân hàng. Như vậy, dựa vào thỏa thuận thời hạn trả nợ tại hợp đồng tín dụng và khế ước đã ký kết thì Công ty TNHH T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 499.999.994 đồng, nợ lãi là 66.328.661 đồng tính đến ngày 21/01/2025 (gồm: nợ lãi trong hạn 5.434.209 đồng, lãi quá hạn 60.590.732 đồng, lãi chậm trả 303.720 đồng) cho Ngân hàng. Tổng cộng số tiền phải trả là 566.328.655 đồng là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo xin được giảm tiền lãi và xin gia hạn hoàn tất việc trả dần tiền cho ngân hàng trong thời hạn là 08 tháng của bị đơn nhưng phía đại diện ngân hàng Ngân hàng không đồng ý theo đề nghị của bị đơn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét để chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH T2 không có cơ sở để xem xét mà cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[3]. Về Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH T2.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2025/KDTM-ST ngày 21/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 292; Điều 335; Điều 336; Điều 342; Điều 463; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 92 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

Buộc Công ty TNHH T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 499.999.994 đồng, nợ lãi là 66.328.661 đồng tính đến ngày 21/01/2025 (gồm: nợ lãi trong hạn 5.434.209 đồng, lãi quá hạn 60.590.732 đồng, lãi chậm trả 303.720 đồng) cho Ngân hàng. Tổng cộng số tiền phải trả là 566.328.655 đồng. Đồng thời Công ty TNHH T2 phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 22/01/2025 đối với số tiền nợ gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp Công ty TNHH T2 không thanh toán hoặc thanh toán không

đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Trọng P (là bên bảo lãnh) phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số 2812/HĐBL/VPBANK CN Đắk Lắk ngày 28/12/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải chịu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH T2 phải chịu 26.653.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (theo mức tính: $20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 166.328.655 \text{ đồng}) = 26.653.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số)).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 12.726.000 đồng (Mười hai triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0006164 ngày 23/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

[4.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH T2 phải chịu 2.000.000 đồng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí do ông Nguyễn Trọng P nộp theo biên lai thu số AA/2023/0014487 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Đường sự;
- Công thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My

